

Bản án số: 01/2019/DSST

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đình Nguyên và bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Hào. Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H. Sinh năm 1963. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm xx, xã XL, huyện Nam Đàn, Nghệ An.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Danh Đ, sinh năm 1964.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm xx, xã XL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Đình Đ, sinh năm 1963. Vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm xx, xã XL, huyện Nam Đàn, Nghệ An.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Danh Đ, sinh năm 1964.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm xx, xã XL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Cao Danh Đ trình bày:

Vào ngày 21/4/2016, ông Bùi Đình Đ có vay của vợ chồng ông bà số tiền

26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu), lãi suất 1,3%/tháng. Ông Đ cam kết trả lãi hàng tháng và hẹn trả số tiền gốc sau 3 tháng, tức là ngày 24/7/2016. Việc vay tiền hai bên có làm giấy tờ và có ký nhận vào giấy vay tiền.

Vào ngày 30/6/2016, ông Bùi Đình Đ tiếp tục vay của vợ chồng ông bà số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu) với mục đích trả nợ cá nhân, lãi suất 1,2%/tháng, hẹn đến ngày 30/5/2017 sẽ trả cả gốc và lãi một lần. Tài sản thế chấp là ngôi nhà gỗ ba gian. Nếu ông Đ không trả thì vợ chồng bà H ông Đ có quyền xử lý tài sản thế chấp này. Việc vay tiền có làm giấy tờ, có vợ chồng ông bà và ông Đ ký nhận. Khi vay mượn hoàn toàn tự nguyện chứ không ai ép buộc ai. Số tiền cho ông Đ vay là khoản tiền tiết kiệm, dành dụm chung của vợ chồng.

Đến thời hạn trả nợ, ông Bùi Đình Đ không thực hiện như cam kết trong giấy vay tiền, vợ chồng bà đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nợ số tiền gốc và lãi suất như thỏa thuận nhưng ông Đ chỉ mới trả cho ông bà ba lần với tổng số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), số tiền còn lại 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu) ông Đ không trả như cam kết.

Ngày 29/3/2018, ông bà viết đơn tố cáo đến Công an huyện Nam Đàn về hành vi vay tiền không trả của ông Bùi Đình Đ. Ngày 04/4/2018, tại Công an huyện Nam Đàn, ông Bùi Đình Đ chỉ thừa nhận nợ số tiền là 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu), vợ chồng chúng tôi chấp nhận với số tiền trên. Ông Bùi Đình Đ có viết giấy hẹn trả nợ vào ngày 14/4/2018, sẽ trả 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), còn số tiền còn lại sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Buổi làm việc tại Công an huyện Nam Đàn có sự chứng kiến của ông Bùi Đình P - sinh năm 1956, trú tại: Xóm xx, xã XL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (là anh trai của ông Đ) nhưng sau đó ông Đ không thực hiện đúng như cam kết. Nay ông bà Nguyễn Thị H, ông Cao Danh Đ yêu cầu ông Bùi Đình Đ phải trả số tiền gốc đang còn nợ là 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu đồng).

Về lãi suất, quá trình làm giấy vay có thỏa thuận lãi suất vay số tiền 26 triệu đồng là 1,3%/tháng, lãi suất số tiền 72.000.000 đồng là 1,2%/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ, bà H chỉ yêu cầu tính lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 01/8/2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các thủ tục như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đối với ông Bùi Đình Đ. Tuy nhiên, ông Bùi Đình Đ đã không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa nên ông Bùi Đình Đ không có lời khai tại hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Danh Đ trình bày:*

Ông là chồng của bà Trần Thị H - sinh năm 1964, trú tại xóm xx, xã XL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Về ngày tháng năm, số tiền vay, lãi suất cho vay, thời hạn hẹn trả nợ đúng như bà Nguyễn Thị H trình bày. Tuy nhiên, đến hẹn trả nợ ông Đ không thực hiện đúng như đã cam kết. Ông yêu cầu ông Đ trả cho vợ chồng ông số tiền gốc 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu) và lãi suất theo suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 01/8/2017 đến nay.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát huyện Nam Đàn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham tố tụng từ khi thụ lý đến nay như sau: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát huyện Nam Đàn đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Bùi Đình Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu). Tiền lãi suất từ ngày 01/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/3/2019 là 12.284.000 đồng. Tổng số tiền là: 95.284.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn ông Bùi Đình Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Bùi Đình Đ có địa chỉ cư trú tại xã XL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trả số tiền vay nợ. Đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Đình Đ đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa dân sự sơ thẩm không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc

trở ngại khách quan là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Bùi Đình Đ thỏa thuận với nhau về việc vay tài sản là tiền được thể hiện:

Lần thứ nhất: Vào ngày 21/4/2016, ông Bùi Đình Đ có vay của bà H, ông Đ số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu), lãi suất 1,3 %/tháng. Ông Đ cam kết trả lãi hàng tháng và hẹn trả số tiền gốc sau 3 tháng tức là ngày 24/7/2016.

Lần thứ hai: Vào ngày 30/6/2016, ông Bùi Đình Đ tiếp tục vay của bà H, ông Đ số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu), lãi suất 1,2 %/tháng, hẹn đến ngày 30/5/2017 sẽ trả cả gốc và lãi một lần. Cả hai lần vay được lập thành văn bản và có hai bên xác nhận vào giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ nhưng ông Đ không thực hiện đúng cam kết. Xét giao dịch vay tiền ông Bùi Đình Đ và bà Nguyễn Thị H là một hợp đồng dân sự về việc vay tài sản có kỳ hạn, được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, nhưng khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì ông Bùi Đình Đ là bên vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện trả nợ theo đúng cam kết. Ngày 29/3/2018, bà H viết đơn tố cáo đến Công an huyện Nam Đàn về hành vi vay tiền không trả của ông Bùi Đình Đ. Tại cơ quan công an, ông Đ thừa nhận và hai bên thống nhất số tiền ông Đ còn nợ bà H, ông Đ là 83.000.000 đồng. Người làm chứng ông Bùi Đình P (anh trai ông Đ) thừa nhận ngày 04/4/2018 ông có chở ông Đ đến Công an huyện Nam Đàn để làm việc. Nội dung đúng như trong giấy hẹn trả nợ, ông có ký vào giấy hẹn trả nợ với tư cách là người làm chứng. Ý kiến của ông là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H ông Đ yêu cầu ông Bùi Đình Đ phải trả số tiền gốc còn nợ là 83.000.000 đồng. Việc ông Bùi Đình Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng là tự mình từ bỏ quyền lợi của mình được trình bày ý kiến, đề nghị, yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ những nhân định trên, thấy rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về lãi suất: Các bên thỏa thuận lãi suất của lần vay thứ nhất là 1,3%/tháng và lần thứ hai là 1,2%/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì bà H và ông Đ thống nhất yêu cầu Tòa án chỉ tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước từ ngày 01/8/2017 cho đến nay. Căn cứ Quyết định 2868/QĐ- HNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương ứng 0,75%/tháng. Như vậy, đề nghị của bà H và ông Đ về việc tính lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng

xét xử áp dụng để tính lãi suất chậm trả cụ thể như sau: tiền nợ gốc 83.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 19 tháng 22 ngày = 12.284.000 đồng.

Như vậy, ông Bùi Đình Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị và ông Cao Danh Đ tổng số tiền cả gốc và lãi là 95.284.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng*). Trong đó, tiền gốc là 83.000.000 đồng (*Tám mươi ba triệu*), tiền lãi là 12.284.000 đồng (*Mười hai triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điều 33, Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1. Buộc ông Bùi Đình Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị H và ông Cao Danh Đ tổng số tiền cả gốc và lãi là 95.284.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc là 83.000.000 đồng (*Tám mươi ba triệu đồng*); tiền lãi là: 12.284.000 đồng (*Mười hai triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

2. Về án phí: Buộc ông Bùi Đình Đ phải chịu 4.764.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 2.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002090, ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo

quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Danh Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2019). Bị đơn ông Bùi Đình Đ vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã XL, h Nam Đàn
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Phú

